



Thông tin Học sinh	
Tên Học sinh:	
Học sinh ID:	
Năm học:	
Lớp:	5
Giáo viên:	

Thông tin Trường học	
Tên Trường học:	
Hiệu trưởng:	
Điện thoại Trường học:	
Địa chỉ Trường học:	

Sự tham dự	Học kì 1	Học kì 2
Số ngày ở trường		
Số ngày vắng mặt		
Tỷ lệ có mặt		
Đi học muộn hoặc tan học sớm		

Dịch vụ sinh viên	
ELL Hoạt động	
ELL được quan sát	
Tài năng và Năng khiếu	
Giáo dục đặc biệt	

Thang đo mức độ thành thạo		
4	Thành thạo	Học sinh luôn thể hiện sự thông thạo các tiêu chuẩn của cấp lớp. Bằng chứng cho thấy khả năng áp dụng các khái niệm trong nhiều ngữ cảnh khác nhau.
3	Tiếp cận sự thành thạo	Học sinh có thể thể hiện sự hiểu biết một phần về các tiêu chuẩn của cấp lớp. Học sinh vẫn đưa ra bằng chứng mà thường có thể có sai sót.
2	Mức độ thành thạo tối thiểu	Học sinh không thể hiện sự hiểu biết về các tiêu chuẩn của cấp lớp. Học sinh đưa ra bằng chứng dưới cấp lớp đáng kể.
1	Không đủ bằng chứng hướng tới sự thành thạo	Thiếu bằng chứng để xác định mức độ thông thạo của các tiêu chuẩn cấp lớp.
NA	Không liên quan	Tiêu chuẩn đã không được đề cập trong học kỳ này hoặc học sinh đã không đăng ký đủ lâu để đánh giá chính xác.

ĐỌC HIỂU	S1	S2
Đọc văn bản cấp lớp một cách chính xác và lưu loát để hỗ trợ khả năng hiểu. Đọc chính xác các từ đa âm trong ngữ cảnh và ngoài ngữ cảnh. RF.4, RF.3		
Đọc và hiểu văn bản cấp lớp và văn bản thông tin một cách độc lập. RI.10, RL.10		
Tóm tắt văn học, văn bản thông tin, thông tin trên các phương tiện truyền thông và những luận điểm mà người nói đưa ra. RL.2, RI.2, RL.5, SL.2, SL.3		
Xác định một chủ đề trong văn học. RL.2		
So sánh và đối chiếu các câu chuyện, nhân vật, cài đặt, sự kiện hoặc cấu trúc. RL.3, RL.9, RI.3, RI.5		
Giải thích lý do và bằng chứng hỗ trợ các luận điểm cụ thể như thế nào trong một văn bản. Trích dẫn chính xác một văn bản. RI.8, RL.1, RI.1		
Tích hợp thông tin từ nhiều nguồn về cùng một chủ đề để tìm câu trả lời cho các câu hỏi và viết hoặc nói một cách dễ hiểu. RI.9, RI.6, RI.7		

VIẾT	S1	S2
Sử dụng quy trình viết, viết các ý kiến ủng hộ một quan điểm kèm theo lý do và thông tin. W.1, W.4, W.5, W.10		
Sử dụng quy trình viết, viết các mẫu thông tin để xem xét một chủ đề và truyền đạt ý tưởng một cách rõ ràng. W.2, W.4, W.5, W.10		
Sử dụng quy trình viết, hãy viết những câu chuyện chi tiết có thật hoặc trong tưởng tượng với một chuỗi sự kiện rõ ràng. W.3, W.4, W.5, W.10		
Tiến hành nghiên cứu bằng cách thu thập thông tin và rút ra bằng chứng từ một số nguồn. W.7, W.4-6, W.8-10		
Trình bày việc sử dụng các quy ước một cách thích hợp khi viết. L.2		

Sinh viên:	Lớp: 5	Giáo viên:
------------	--------	------------

NGÔN NGỮ	S1	S2
Thể hiện cách sử dụng ngữ pháp phù hợp khi viết hoặc nói. L.1, L.3		
Xác định hoặc làm rõ nghĩa của các từ và cụm từ trên các lĩnh vực nội dung, bao gồm cả ngôn ngữ tượng hình. L.4, RL.4, RI.4, L.5		
Sử dụng các từ và cụm từ phù hợp với học thuật và nội dung cụ thể. L.6		

NÓI VÀ NGHE	S1	S2
Tham gia vào các cuộc thảo luận, xây dựng dựa trên ý tưởng của người khác và thể hiện ý kiến của họ một cách rõ ràng. SL.1		
Báo cáo về một chủ đề, văn bản hoặc ý kiến, trình tự một cách hợp lý và sử dụng các chi tiết để hỗ trợ các ý chính. Nói rõ ràng với tốc độ dễ hiểu. SL.4, SL5, SL.6		

TOÁN HỌC	S1	S2
Đọc, viết, so sánh và làm tròn số thập phân đến phần nghìn. Chuyển đổi số đo hệ mét. NBT.3, NBT.1-4, MD.1		
Nhân các số nguyên có nhiều chữ số một cách thành thạo bằng cách sử dụng thuật toán chuẩn. Chuyển đổi các phép đo thông thường. NBT.5, MD.1		
Giải các bài toán chia số nguyên có nhiều chữ số (lên đến 4 chữ số x 2 chữ số) bằng nhiều cách khác nhau. NBT.6		
Cộng, trừ, nhân và chia số thập phân đến hàng trăm bằng cách sử dụng các chiến lược khác nhau. NBT.7		
Giải các bài toán trong thế giới thực và toán học liên quan đến phép cộng và phép trừ các phân số bao gồm cả mẫu số không giống nhau. Lập đồ thị đường với đơn vị phân số. NF.2, NF.1, MD.2		
Giải các bài toán trong thế giới thực và toán học liên quan đến phép nhân phân số và hỗn số, bao gồm cả diện tích hình chữ nhật. NF.6, NF.4, NF.5		
Giải các bài toán trong thế giới thực và toán học liên quan đến phép chia phân số cho số nguyên ($1/4 \div 7$) và phép chia số nguyên cho phân số ($3 \div 1/2$). Giải thích một phân số dưới dạng phép chia. NF.7, NF.3		
Giải quyết các vấn đề trong thế giới thực và toán học liên quan đến khối lượng bằng cách sử dụng các chiến lược cộng và nhân cũng như áp dụng các công thức. MD.5, MD.3-5		
Giải các bài toán trong thế giới thực và toán học bằng cách vẽ đồ thị các điểm, bao gồm cả các mẫu số, trên mặt phẳng tọa độ. G.2, G.1, OA.3		

KHOA HỌC	S1	S2
Hệ sinh thái: Hiểu cách vật chất và năng lượng di chuyển qua các sinh vật trong hệ sinh thái. 5-LS1, 5-LS2, 5-PS3		
Hệ thống của Trái đất: Hiểu rõ Trái đất có bốn hệ thống chính tương tác với nhau theo nhiều cách. 5-ESS2, 5-ESS3		
Hệ Mặt Trời: Hiểu các ngôi sao, hành tinh và mặt trăng trong vũ trụ và cách các lực vật lý được tạo ra ảnh hưởng đến các mẫu mà chúng ta quan sát được. 5-ESS1, 5-PS2, 3-5-ETS1		
Vật chất: Hiểu vật chất được tạo thành từ các hạt và tính chất của vật chất có thể thay đổi. 5-PS1		

KHOA HỌC XÃ HỘI	S1	S2
Hiểu các khái niệm về các đơn vị được giảng dạy (Lập pháp / Chính phủ, Kinh tế, Lịch sử và Địa lý).		

SỨC KHỎE	S1	S2
Hiểu các khái niệm về đơn vị được dạy.		

GIÁO DỤC THỂ CHẤT	S1	S2
Hãy tích cực tham gia và gắn bó.		
Thể hiện năng lực về kỹ năng vận động và các kiểu chuyển động.		

GIÁO DỤC ÂM NHẠC	S1	S2
Hát với âm vực và giai điệu thích hợp.		
Thực hiện trên các nhạc cụ với kỹ thuật thích hợp.		
Giải thích và áp dụng ký hiệu âm nhạc, từ vựng và số liệu.		

Sinh viên:	Lớp: 5	Giáo viên:
------------	--------	------------

KỸ NĂNG THÀNH CÔNG (Khoảng trống không được đánh dấu hiển thị các lĩnh vực thành công của học sinh / X chỉ ra nhu cầu cải thiện của học sinh)					
	S1	S2		S1	S2
Hoạt động độc lập và quản lý thời gian hiệu quả			Thể hiện sự tôn trọng đối với người lớn, học sinh, môi trường học đường và tài liệu		
Tích cực tham gia học tập			Thực hiện chuyển đổi thích hợp giữa các hoạt động của trường		
Tạo ra công việc chất lượng			Sắp xếp bản thân, tài liệu và đồ dùng		
Chăm chú lắng nghe và làm theo hướng dẫn			Sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề		
Chịu trách nhiệm về các lựa chọn và hành động			Hoàn thành bài tập đúng hạn		
Tuân theo lịch học và kỳ vọng của trường					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN

Học kì 1

Học kỳ 2

